TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10/11/2021
V/v: *"Xin ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hải.
2. Ông Phan Tính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên không tham gia phiên toà.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 60/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021, về việc: " Xin ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST- HNGĐ ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1996.

ĐKHKTT: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chổ ở hiện nay: 43L/8A Khu phố B, xã B, TP T, tỉnh Bình Dương.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1994.

ĐKHKTT: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chị T vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt; Anh T1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2021 và đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt ngày 22/10/2021 của nguyên đơn chị T trình bày: Năm 2017 tôi có tự tìm hiểu, tự nguyện

kết hôn với anh T1, được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2017. Qúa trình chung sống đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau, không còn tình cảm với nhau nữa và sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay tôi yêu cầu xin được ly hôn với anh T1

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Lê Thanh T2, sinh ngày 23/3/2018, lâu nay do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt, không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện anh Nguyễn Văn T1 cư trú tại: Phước H, An H, Tuy A, Phú Yên về việc: " Xin ly hôn". Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị T vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử; Bị đơn anh T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần, tuy nhiên anh T1 vắng mặt không có lý do, cho thấy anh T1 đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn T1 tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 22/10/2021 chị T cho biết nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau, không còn tình cảm với nhau nữa nên yêu cầu xin ly hôn với anh T1. Xét thấy, việc anh T1 không đến Tòa án làm việc trong khi biết chị T xin ly hôn là không quan tâm hàn gắn tình cảm, thể hiện thiếu tinh thần trách nhiệm với gia đình, trách nhiệm của một người cha, người chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị T

[3]. Về con chung: Có một con chung tên là Nguyễn Lê Thanh T2, sinh ngày 23/3/2018, lâu nay do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt ngày 22/10/2021 chị T yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. HĐXX xét thấy cháu T2 lâu nay được chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tình cảm mẹ con gắn bó, do đó cần giao cháu T2 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1.Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1

2. Về con chung: Chị Lê Thị T được tiếp tục trong nôm, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Lê Thanh T2, sinh ngày 23/3/2018. Anh Nguyễn Văn T1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn chị T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 04644 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

*Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình